

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2025/DS-ST

Ngày 15-4-2025

V/v "Tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng thiệt hại
do tài sản bị xâm phạm"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Văn Công Trọn**

2. Ông **Hồ Quang Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Hương** – Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thiệt hại do tài sản bị xâm phạm" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Thanh T**, sinh năm 1970 (Có mặt), địa chỉ cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần X.

Địa chỉ Công ty :, phường C, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Mạnh H** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền:

Ông **Nguyễn Minh T1** (Có mặt) – Nhân viên kỹ thuật.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Sử Thị D**, sinh năm 1972 (Vợ ông T - Có mặt), địa chỉ cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Nguyên đơn ông Lê Thanh T trình bày:**

Khoảng tháng 9/2023 Công ty Cổ phần X có xây dựng cầu tại tuyến đường X. Quá trình thi công, máy đóng trụ cầu bị chảy nhớt tràn vào đất nuôi tôm của Nguyên đơn đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau, làm ảnh hưởng đến việc nuôi tôm và các loại thủy sản khác với diện tích khoảng 10.000 m². Mặc dù, Nguyên đơn có yêu cầu đại diện Công ty khắc phục và bồi thường nhưng Công ty không chịu bồi thường. Như vậy từ khi Công ty làm nhớt tràn vào đất vuông đã làm ảnh hưởng và gây thiệt hại như: tôm, cua, lúa, tiền phân bón với tổng số tiền là 17.500.000 đồng. Đồng thời, đất vuông của Nguyên đơn bị ảnh hưởng tràn nhớt do Công ty làm, dẫn đến không thể nuôi tôm được, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần X bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, tổng cộng là 47.500.000 đồng.

***/ Bị đơn Công ty Cổ phần X (gọi tắt: Công ty) – Người đại diện ông Nguyễn Minh T1 trình bày:**

Trường hợp của ông Lê Thanh T không thuộc trường hợp phải hỗ trợ đường lấy nước, việc này đã được Cơ quan chức năng kết luận tại Biên bản làm việc ngày 28/3/2024. Như vậy phần đất của ông T, ông T tự be bờ, làm thế nào để nước ở ngoài không tràn vào đất của ông T. Khi thi công Công ty không có trách nhiệm be bờ cho ông T. Nay ông T lấy lý do nước tràn vào đất của ông T là trách nhiệm của Công ty và yêu cầu Công ty B, Công ty không đồng ý. Thời điểm Công ty thi công, nhớt có tràn vào phần đất của ông T nhưng không đáng kể, không ảnh hưởng gì lớn đến việc canh tác đất của ông T, ông T yêu cầu Công ty B chi phí khắc phục là 30.000.000 đồng, Công ty không đồng ý, Công ty chỉ đồng ý hỗ trợ cho ông T số tiền 7.500.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- Ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty Cổ phần X bồi thường thiệt hại về tôm, cua, lúa, tiền phân bón và nguồn nước vuông do Công ty làm nhớt tràn qua đất vuông, dẫn đến không nuôi tôm được, tổng số tiền là 20.000.000 đồng.

- Bà D thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Đại diện Công ty Cổ phần X không đồng ý với yêu cầu khởi kiện ông T, Công ty đồng ý hỗ trợ cho ông T số tiền 10.000.000 đồng.

***/ Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:**

1/ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

2/ Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần X bồi thường số tiền

20.000.000 đồng, ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần X đồng ý hỗ trợ cho ông T số tiền 10.000.000 đồng, về án phí đề nghị xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm đ khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Lê Thanh T khởi kiện đề yêu cầu Công ty Cổ phần X bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 20.000.000 đồng. Căn cứ khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

[1.3] Đối với bà Sử Thị D là vợ ông T: Tại phiên tòa, bà D là vợ ông T có mặt, cho rằng tài sản bị thiệt hại là tài sản chung của vợ chồng, nên bà D yêu cầu được tham gia tố tụng. Xét, trước đây chỉ ông T đứng đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án thì cả ông T và bà D không có yêu cầu đưa bà D tham gia tố tụng. Nay bà D yêu cầu được tham gia tố tụng, bà D cũng không có yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để thực hiện thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do đó Hội đồng xét xử đưa bà D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, là đã đảm bảo quyền lợi đối với bà D ở vụ án này.

[1.4] Đối với ông Trần Tử Á: Khi khởi kiện, ông T có đưa ông Trần Tử Á là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quá trình giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông T không có liên quan gì về trách nhiệm bồi thường đối với ông Á. Mặt khác, đại diện Công ty cũng không biết ông Á cư trú ở đâu, nên xét thấy không cần thiết đưa ông Á tham gia tố tụng là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T, thấy rằng:

Ông T khởi kiện đề yêu cầu Công ty Cổ phần X phải bồi thường thiệt hại tài sản về tôm, cua, lúa, tiền phân bón và nguồn nước vuông do Công ty làm nhốt tràn qua đất vuông, dẫn đến không nuôi tôm được, với tổng số tiền 20.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, Tòa án có ban hành Quyết định số 10/2024/QĐ-CCTLCC ngày 01/8/2024 (bút lục 49) đề yêu cầu ông T cung cấp: Giấy tờ chứng minh thời điểm nhốt do Công ty T2 làm cho nhốt tràn qua phần đất vuông gây thiệt hại về tài sản, dẫn đến nguồn nước vuông bị ảnh hưởng và không nuôi tôm được. Như vậy, Tòa án yêu cầu ông T có yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền giám định nguồn nước hay không, nhưng ông T không thực hiện. Mặt khác, ông T có cung cấp 01 USB (bút lục 48A), 01 Tờ

phân tích ngày 19/8/2024 (bút lục 55) và 06 tấm ảnh (từ bút lục 37 đến 42), theo ông T lý giải nội dung tại USB do ông T cung cấp đó là: Trong USB có chứa 03 đoạn video (ghi hình), quay lại cảnh vào ngày 03/10/2022 tại phần đất của ông T thuộc ấp C, xã L, khi Công ty thi công Dự án, Công ty không be bờ dẫn đến nguồn nước từ bên ngoài, kết hợp với mưa lớn, triều cường, nước đã tràn vào phần đất của ông T, gây thiệt hại về tài sản. Tuy nhiên, các tài liệu chứng cứ nêu trên là do ông T tự quay và chụp lại, chưa được Cơ quan có thẩm quyền giám định, chưa có đủ cơ sở để xem xét. Mặt khác, ông T lý giải ngày 03/10/2022 là thời gian Công ty X bắt đầu thi công Dự án là mâu thuẫn với nội dung trình bày của ông T tại Đơn khởi kiện ngày 15/4/2024 (bút lục 14), vì tại Đơn khởi kiện này ông T xác định Công ty bắt đầu thi công Dự án khoảng tháng 9/2023. Như vậy cho thấy các tài liệu chứng cứ nêu trên là do ông T quay và chụp lại là sự việc đã xảy ra trước khi Công ty thi công Dự án. Tại phiên toà, ông T cũng không có yêu cầu giám định các tài liệu chứng cứ mà ông T đã cung cấp. Mặt khác, ngoài các tài liệu chứng cứ do ông T cung cấp, thì ông T có cung cấp Biên bản hiện trường ngày 03/10/2023 (bút lục 46, 47), ông T cho rằng thiệt hại của ông T đã được ông Lê Thành C là nhân viên của Công ty ghi nhận. Tuy nhiên, các thiệt hại này là do ông T liệt kê, chứ thực tế không có số lượng cụ thể, nên không có cơ sở để xem xét.

Công ty Cổ phần X là đơn vị chịu trách nhiệm thi công Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 -2025 (đoạn tuyến nối Km 16+597 kết nối quốc lộ A) trên địa bàn huyện T, trong đó có hộ ông Lê Thanh T, trú ấp C, xã L thuộc hộ bị ảnh hưởng bởi Dự án. Quá trình thi công Dự án, Công ty có đóng cọc nhồi tại vị trí móng cầu L (thuộc ấp C, xã L) có tràn nhót qua phần đất của ông T. Tại Công văn số 217/CV-UBND ngày 28/11/2024 của Ủy ban nhân dân xã L cung cấp: Ủy ban nhân dân xã có xuống thực địa và làm biên bản hiện trường, mời đại diện Công ty và ông T, để cùng thương lượng giải quyết nhưng không thành.

Đối với đại diện Công ty xác định thời điểm Công ty thi công, nhót có tràn vào phần đất của ông T. Việc đề nước, nhót tràn qua đất do phần đất của ông T không có be bờ lên cao. Như vậy, Công ty chỉ đồng ý hỗ trợ cho ông T số tiền 10.000.000 đồng, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

Xét, ông T yêu cầu Công ty B và cho rằng khi thi công Dự án, Công ty phải có trách nhiệm be bờ, Công ty không be bờ lên cao và khi thi công Dự án dẫn đến nước, nhót tràn vào phần đất của ông T và gây thiệt hại, nhưng ông T lại không có chứng cứ gì để chứng minh việc này. Mặt khác, khi ông T bàn giao đất thu hồi, phần đất còn lại và để đảm bảo trong việc quản lý canh tác, ông T phải thực hiện các biện pháp khác nhằm bảo vệ tài sản. Vì theo quy định khoản 5 Điều 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Bên có quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm không được bồi thường nếu thiệt hại xảy ra do không áp dụng các biện pháp cần thiết, hợp lý để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại cho chính mình”. Trong trường hợp này ông T cũng có phần trách nhiệm đã không áp dụng biện pháp cần thiết để bảo vệ tài sản cho mình. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quy định: Nghĩa vụ chứng minh “1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của

mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”. Như vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần X bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 20.000.000 đồng, nhưng ông T không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần X đồng ý hỗ trợ cho ông T số tiền 10.000.000 đồng.

Xét, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở được chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, cần buộc ông T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền 1.000.000 đồng (20.000.000 đồng x 5%).

- Buộc Công ty Cổ phần X phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền 500.000 đồng (10.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần X bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

2/ Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần X đồng ý hỗ trợ cho ông Lê Thanh T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày ông Lê Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần X không thi hành xong khoản tiền trên, thì Công ty Cổ phần X còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3/ Về án phí:

Buộc Công ty Cổ phần X phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

Buộc ông Lê Thanh T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền 1.000.000 đồng, đối trừ số tiền 1.188.000 đồng mà ông T đã dự nộp tại Biên lai thu 0004876 ngày 17/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay ông T được nhận lại số tiền 188.000 đồng (Một trăm tám mươi tám ngàn đồng).

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Thanh T, bị đơn Công ty Cổ phần X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sử Thị D được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang